TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG NĂNG** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/HS - ST
Ngày: 23-01-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: **Bà Đoàn Thị Thu Trang**
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông **Nguyễn Văn Lam** - Cán bộ về hưu.
Bà Nguyễn Thị Chinh - Giáo viên về hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Thu Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng tham gia phiên tòa: **bà Giản Thị Chung - Kiểm sát viên.**

Ngày 23 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2017/HSST ngày 15/12/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2018/QĐXXST-HS ngày 09 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Võ Văn T (tên gọi khác: Không); Sinh ngày 13/8/1987, tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú:Thôn X, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ học vấn: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Võ Văn D; Con bà: Nguyễn Thị T (đã chết); Tiền án: 01 tiền án về tội: Trộm cắp tài sản (Bản án số 264/HSPT ngày 15/7/2014 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 02 năm tù).

Nhân thân: Ngày 30/9/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, xử phạt 15 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt. Ngày 15/7/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xử phạt 2 năm tù, về tội: Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 05/9/2017 tại Nhà tạm giữ Công an huyện Krông Năng, đến ngày 21/9/2017 cho gia đình bảo lĩnh, hiện bị cáo đang tại ngoại. (Có mặt).

- *Bị hại:* Anh Hoàng Hữu H, sinh năm 1992. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- *Người có quyền và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1/ Anh Phạm Văn N, sinh năm 1992. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
2/ Anh Hồ H, sinh năm 1988. (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
3/ Ông Võ Văn D, sinh năm 1960. (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn X, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
- *Người tham gia tố tụng khác*: Người làm chứng:
1/ Anh Lê Bá V, sinh năm 1985. (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn G , xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
2/ Anh Lê Bá A, sinh năm 1991. (Vắng mặt).
Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
3/ Nguyễn Thị Kim L, sinh năm 1984. (Có mặt).
Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 20 giờ ngày 25/3/2017, Tại quán cà phê V ở thôn T, xã T, huyện K, Võ Văn T có xích mích, to tiếng với Phạm Văn N nên N tát T 01 cái vào mặt. T liền dùng dao chém N làm rách áo khoác của N. Thấy vậy, bạn của N là Hoàng Hữu H đến yêu cầu T bỏ dao xuống thì T dùng dao chém 01 cái trúng lưng H gây thương tích, tỷ lệ 15%. Sau đó N, H dùng tay đánh nhiều cái vào đầu của T gây thương tích 30%.

Bản kết luận pháp y thương tích số: 654/PY-TgT ngày 18/5/2017, của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận về thương tật của Hoàng Hữu H: vết thương lưng, gãy xương sườn, đứt khối cơ vùng lưng, tỉ lệ thương tật 15%.

Bản kết luận pháp y thương tích số: 1111/PY-TgT ngày 12/9/2017, của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận về thương tật của Võ Văn T: chấn thương sọ não, nứt sọ, tụ máu nội soi, tỉ lệ thương tật 30%.

Vật chứng vụ án: 01 con dao cán bằng gỗ dài 30cm, lưỡi dao bằng sắt dài 90cm.

Bản cáo trạng số 03/KSĐT-HS ngày 14/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng truy tố bị cáo Võ Văn T về tội "Cố ý gây thương tích" theo điểm a, i khoản 1, khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 và theo quy định tại tại điểm a, m khoản 1, khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Xét hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo như nội dung Bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 2 Điều 104 BLHS 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 và khoản 3 Điều 7; khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS 2015, đề nghị HĐXX xử phạt bị cáo Võ Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận về mức bồi thường thiệt hại giữa bị cáo và bị hại số tiền 17.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, đề nghị tiêu hủy 01 con dao (có đặc điểm như trong biên bản thu giữ), là vật chứng vụ án không có giá trị sử dụng.

Đối với hành vi của Phạm Văn N và Hồ H, gây thương tích cho T, tỷ lệ 30% có dấu hiệu phạm tội cố ý gây thương tích quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, hai bên đã thỏa thuận bồi thường và T đã bãi nại cho N, H, do đó Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Năng đã ra Quyết định xử lý hành chính đối với hành vi của N và H là phù hợp nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Tại phiên tòa, bị cáo không có tranh luận, bào chữa gì và nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng truy tố bị cáo về tội cố ý gây thương tích.

Bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong phần nói lời sau cùng, bị cáo chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Năng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Năng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận: Khoảng 20 giờ ngày 25/3/2017, tại quán cà phê V ở thôn T, xã T, huyện K, do mâu thuẫn với Phạm Văn N nên Nhật tát bị cáo 01 cái vào mặt. Bị cáo liền dùng dao chém N làm rách áo khoác của N, nên bị hại H là bạn của N yêu cầu bị cáo bỏ dao xuống thì bị cáo dùng dao chém 01 cái trúng lưng H gây thương tích, tỷ lệ 15%. Sau đó bị cáo bị N và H dùng tay đánh nhiều cái vào đầu gây thương tích 30%.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực nhận thức và năng lực điều khiển hành vi của bản thân trong cuộc sống, nhưng do ý thức coi thường pháp luật, coi thường tính mạng, sức khỏe của người khác, mặc dù giữa bị cáo và bị hại không có mâu thuẫn gì nhưng bị cáo đã vô cớ dùng dao là hung khí nguy hiểm chém anh H, làm anh H bị thương tích 15% là phạm tội "Cố ý gây thương tích", với hai tình tiết định khung dùng hung khí nguy hiểm và có tính chất côn đồ, tội phạm và tại điểm a, i khoản 1, khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự 1999 và quy định tại tại điểm a, m khoản 1, khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015.

Điểm a, i khoản 1, khoản 2 Điều 104 Bộ luật hình sự năm 1999 quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm:

a, Dùng hung khí nguy hiểm;

i, Có tính chất côn đồ ...

2. Phạm tội gây thương tích, gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ thương tật từ 31% đến 60% hoặc từ 11% đến 30%, nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm từ điểm a đến điểm k khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm."

Điểm a, m khoản 1, khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

"1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng hung khí nguy hiểm…;

m) Có tính chất côn đồ;

2. Phạm tội gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% nhưng thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm a, b, d, đ, e, g, h, i, k, l, m, n và o khoản 1 Điều này, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm"

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi của bị cáo là nghiêm trọng, không những xâm hại đến sức khỏe của của anh H mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS 2015.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải. Đồng thời bị hại cũng có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy bị cáo được hưởng những tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015.

[6] Xét tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo, nhân thân của bị cáo, tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nguyên nhân dẫn đến hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Tuy nhiên, cần phải cách ly bị cáo với xã hội một thời gian nhất định để bị cáo học tập, cải tạo trở thành người công dân tốt, sống có ích cho gia đình và xã hội góp phần giáp dục phòng ngừa tội phạm chung và riêng trong toàn xã hội.

[7] Xét mức hình phạt, về biện pháp tư pháp mà đại diện Viện kiểm Sát đề nghị tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật, nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Khoản 1 Điều 46 BLHS 2015 quy định: Người phạm tội phải bồi thường thiệt hại vật chất đã được xác định do hành vi phạm tội

gây ra. Điều 590 Bộ luật dân sự quy định: Thiệt hại do sức khỏe bị xâm hại bao gồm: Chi phí hợp lý cho việc cứu chữa, bồi dưỡng, phục hồi sức khỏe và chức năng bị mất, bị giảm sút của người bị thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất của nạn nhân và người nhà nạn nhân trong những ngày không lao động được và các chi phí hợp lý khác. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên Tòa, bị hại yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 17.000.000 đồng, bao gồm các khoản:

Tiền thuốc + viện phí: 10.000.000 đồng;

Tiền xe cấp cứu 02 chuyến: 2.000.000 đồng;

Tiền công lao động: 3.000.000 đồng;

Tiền tổn hại sức khỏe: 2.000.000 đồng.

Tuy nhiên bị cáo đồng ý tự nguyện thỏa thuận bồi thường theo yêu cầu của bị hại số tiền 17.000.000 đồng. Xét thấy sự tự nguyện thỏa thuận giữa bị cáo và bị hại về số tiền bồi thường 17.000.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

[9] Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, cần tiêu hủy 01 con dao (có đặc điểm như trong biên bản thu giữ), là vật chứng vụ án không có giá trị sử dụng.

[10] Đối với hành vi của Phạm Văn N và Hồ H, khi thấy H bị T dùng dao chém gây thương tích, H đã lao vào ôm người T, lúc này T vẫn cầm dao trên vay nên N và Hồ H đã vào giúp H ôm vật ngã T xuống nền nhà đồng thời dùng tay đấm nhiều cái vào người, đầu T gây thương tích cho T, tỷ lệ 30%. Hành vi của N và H có dấu hiệu phạm tội cố ý gây thương tích quy định tại khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra H và N đã bồi thường cho T 38.000.000 đồng (ba mươi tám triệu đồng), T đã tự nguyện bãi nại cho N, H và không yêu gì thêm. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Krông Năng đã ra Quyết định xử lý hành chính đối với hành vi của N và H là phù hợp nên cần chấp nhận.

[11] Đối với ông Võ Văn D nhờ T lấy con dao ở lò rèn, ông D không biết việc T dùng dao để đánh gây thương tích cho người khác.Vì vậy, không xem xét xử lý hành vi của ông D. Ngoài ra, ông D không yêu cầu trả lại con dao nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[12] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội "Cố ý gây thương tích".

Căn cứ khoản 2 Điều 104 BLHS 1999; Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội khóa 14 và khoản 3 Điều 7;

Khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS 2015.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 02 năm 09 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/9/2017 đến ngày 21/9/2017.

2. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị cáo và bị hại về mức bồi thường số tiền 17.000.000 đồng là tiền bồi thường thiệt hại, bao gồm: Tiền thuốc + viện phí: 10.000.000 đồng; Tiền xe cấp cứu 02 chuyến: 2.000.000 đồng; Tiền công lao động: 3.000.000 đồng; Tiền tổn hại sức khỏe: 2.000.000 đồng.

Áp dụng Điều 357 BLDS để tính lãi suất khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tiêu hủy 01 con dao là vật chứng của vụ án không có giá trị sử dụng.

(Đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 15/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135 của Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Bị cáo Võ Văn T phải chịu 200.000 đồng tiền án phí HSST và 425.000 đồng án phí dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND tỉnh Đắk Lắk;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*
- *Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;*
- *VKSND huyện Krông Năng;*
- *Công an huyện Krông Năng;*
- *THADS huyện Krông Năng;*
- *Bị cáo;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu HSVA, VPCQ.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Thu Trang